

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 15,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 6.0% | 11.9% | 11.2% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 12,134 - 15,914 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 7,155 |
| Số lượng CPLH (CP) | 450,000,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 298,356 |
| Sở hữu nước ngoài | 1.2% |
| Beta | 0.74 |
| EPS | 1,549 |
| P/E | 10.3 |

DT thuần

Q1/24

3,010

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 163| 5.7%

YoY: ▲ 15.0| 0.5%

LN trước thuế

Q1/24

252

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.0| 13.4%

YoY: ▲ 100| 65.6%

LN sau thuế

Q1/24

227

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 7.3%

YoY: ▲ 83.0| 57.3%

ROA

2023

7.9%

+/- YoY: ▼ 1.1%

DT thuần

2023

12,058

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,641| 15.8%

LN trước thuế

2023

644

tỷ VNĐ

YoY: ▼161| -19.9%

LN sau thuế

2023

612

tỷ VNĐ

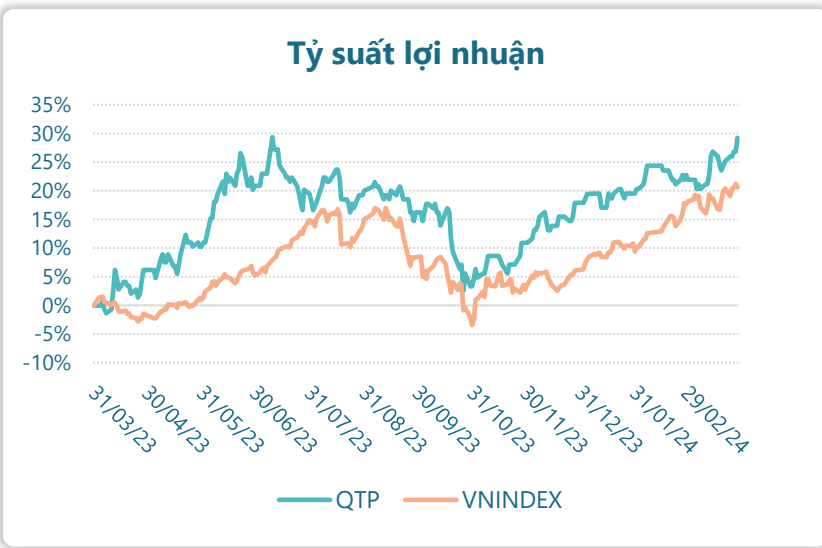
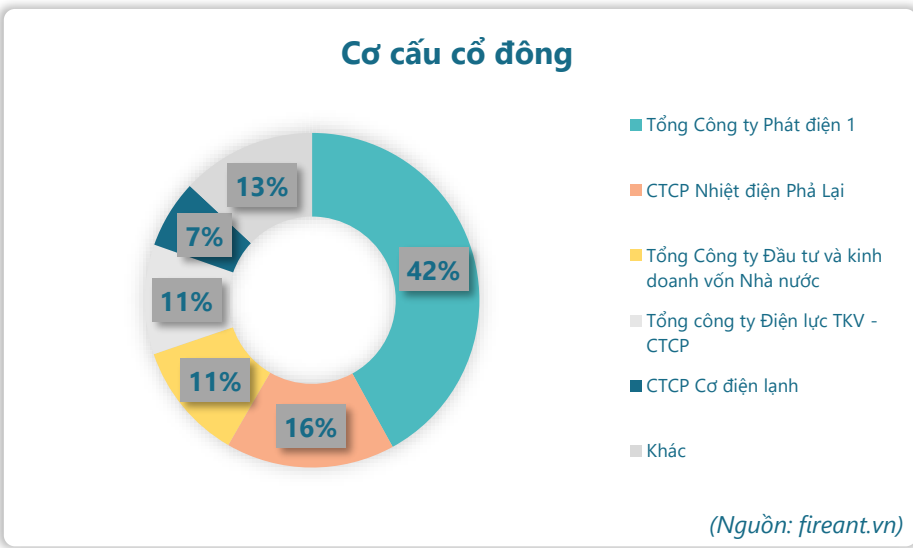
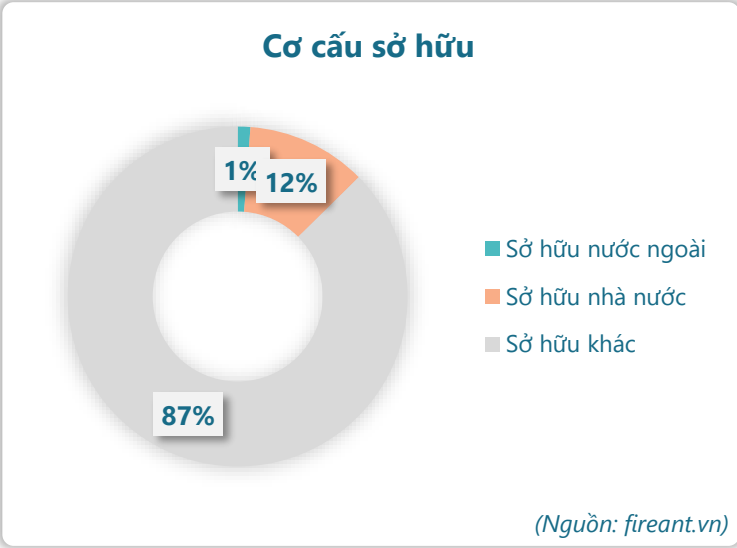
YoY: ▼152| -19.9%

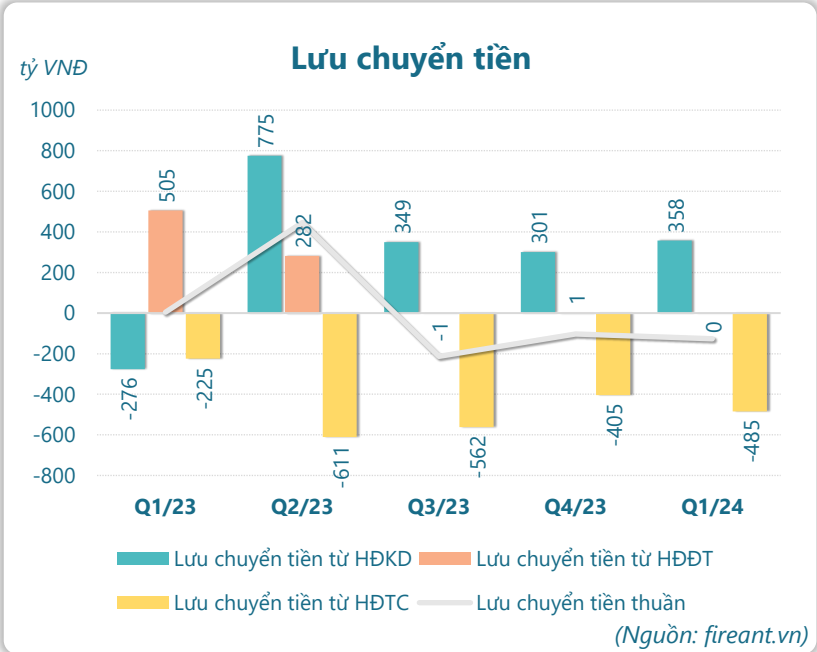
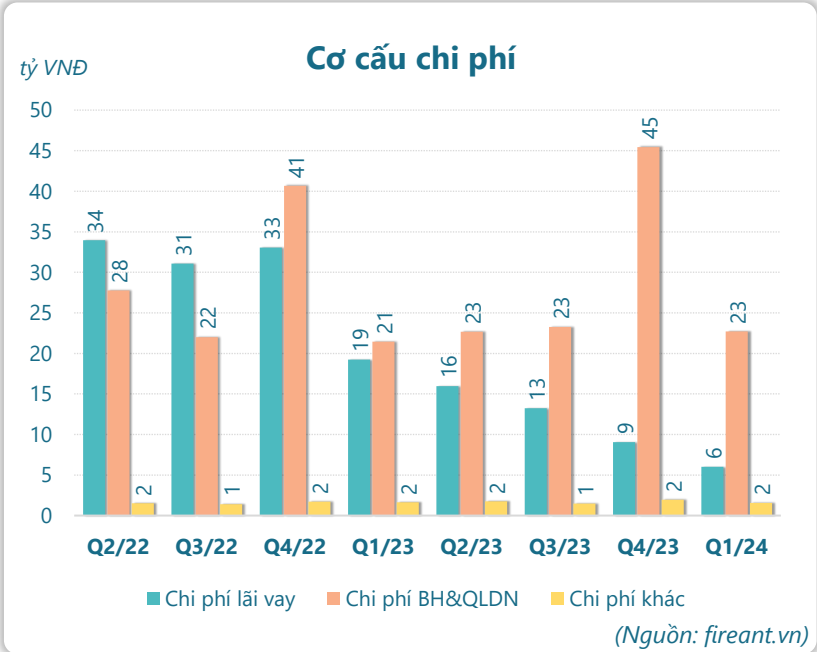
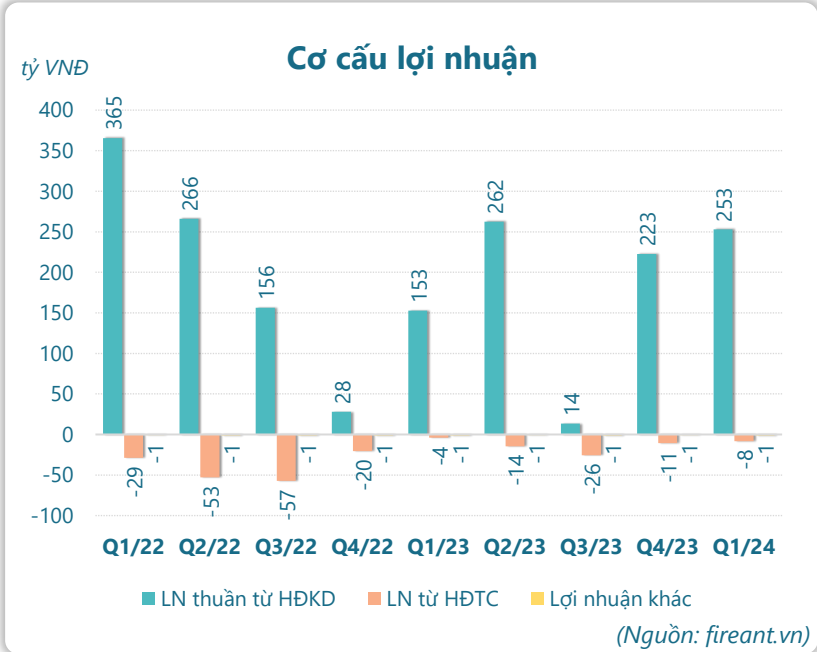
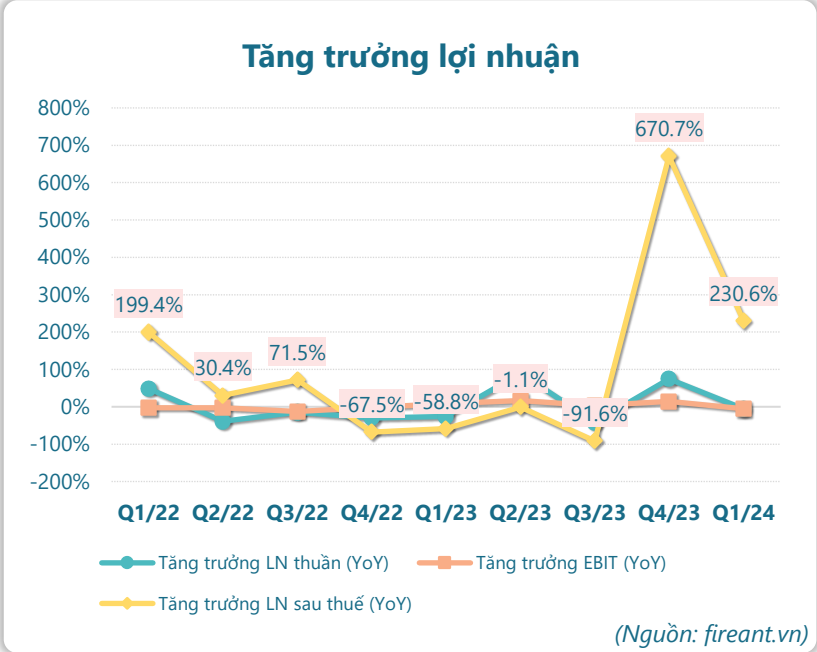
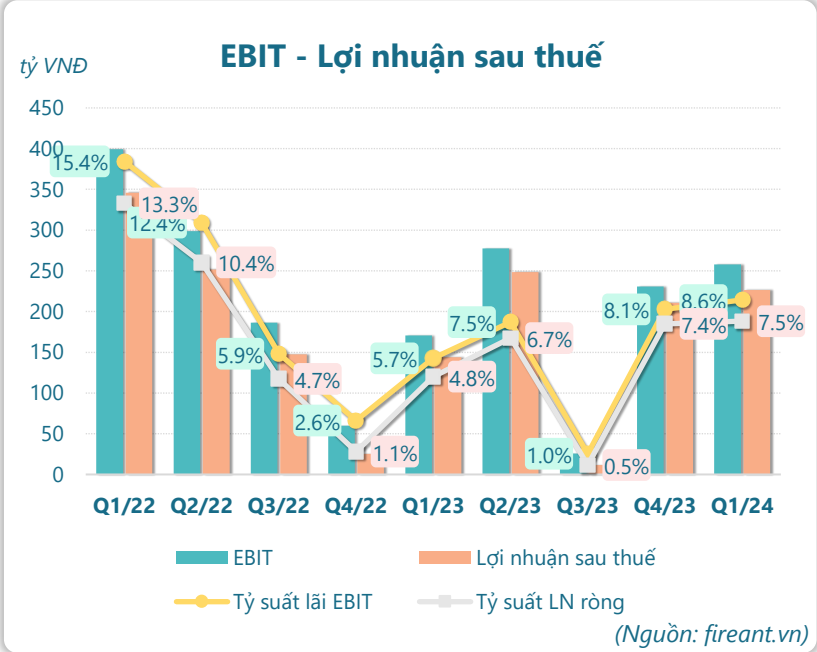
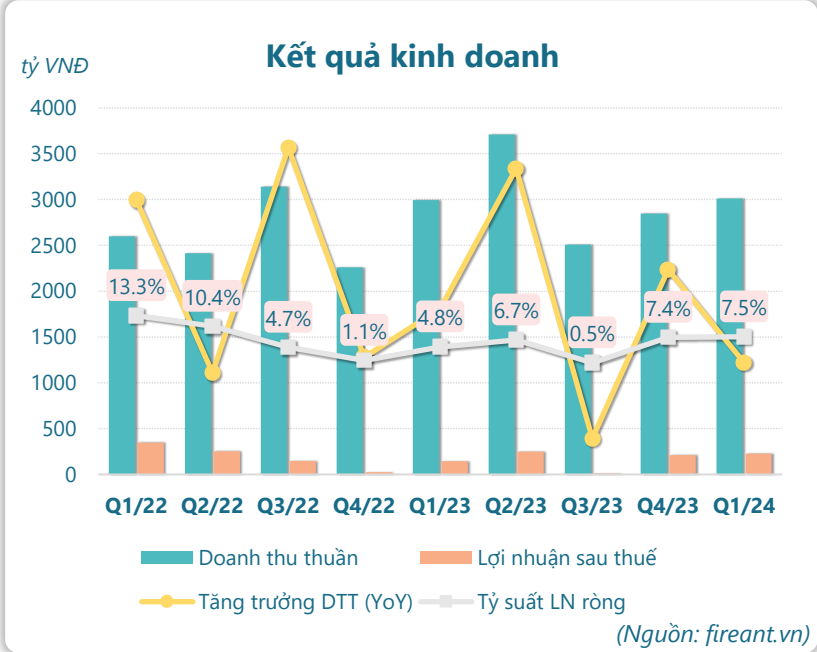
ROE

2023

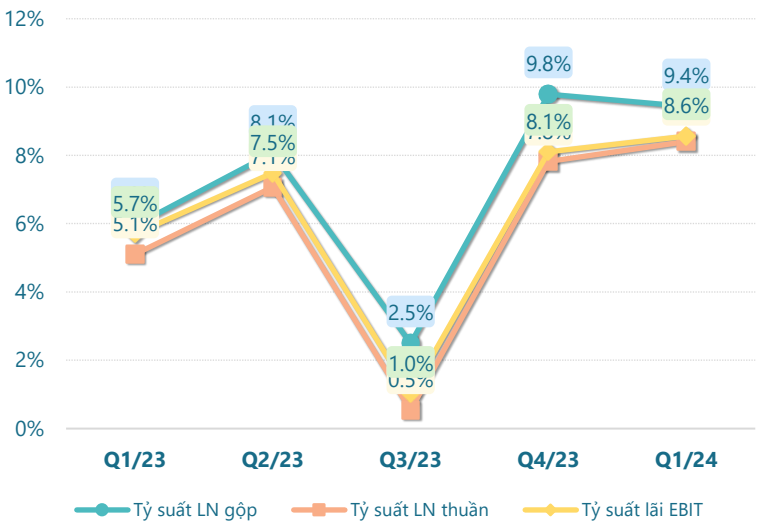
10.7%

+/- YoY: ▼ 1.7%



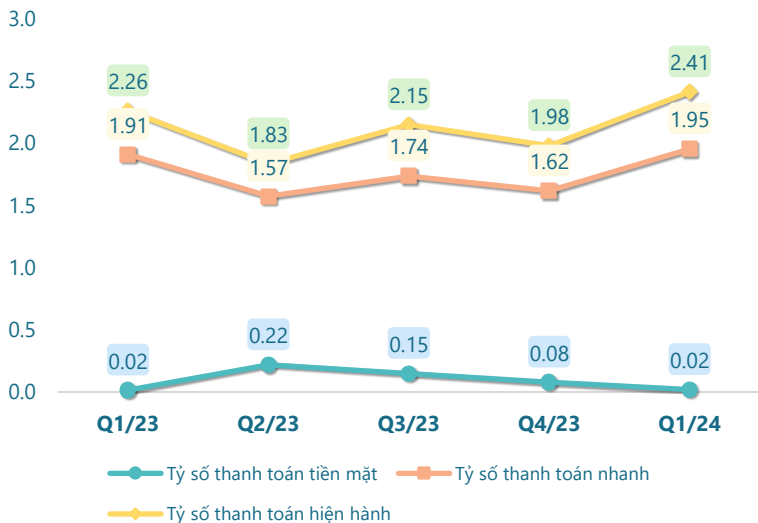


Tỷ suất lợi nhuận



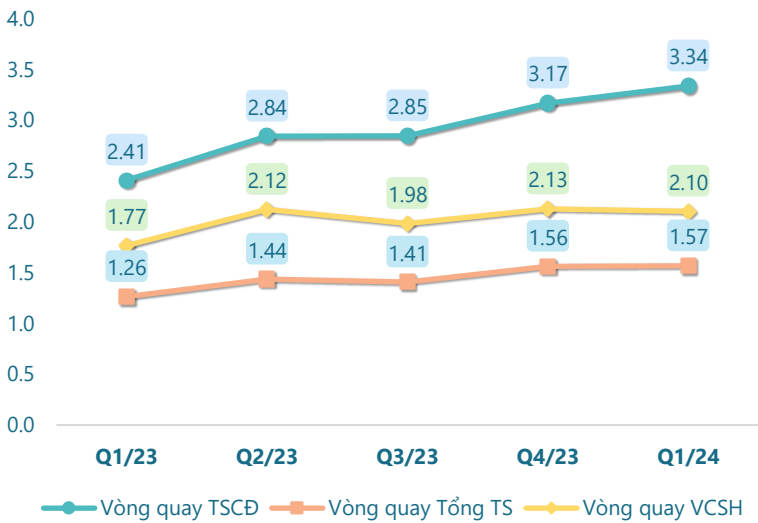
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



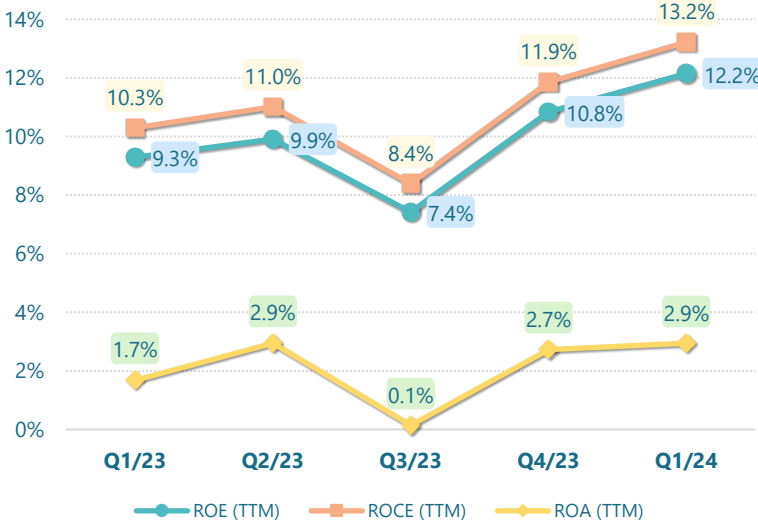
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



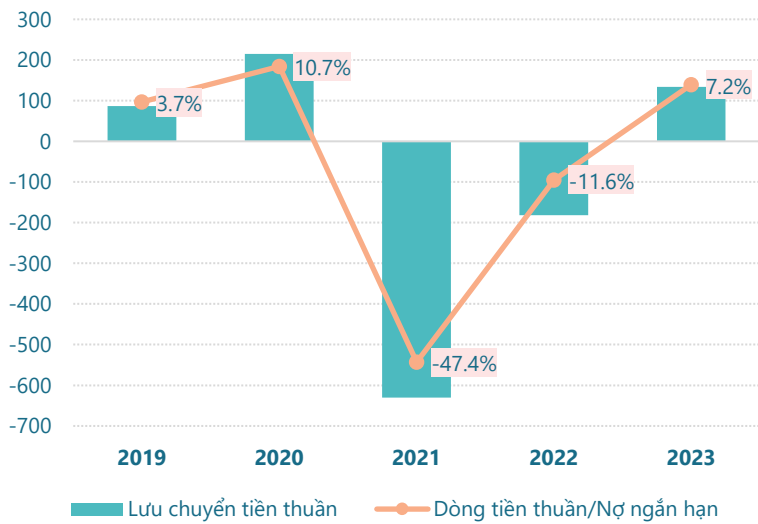
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



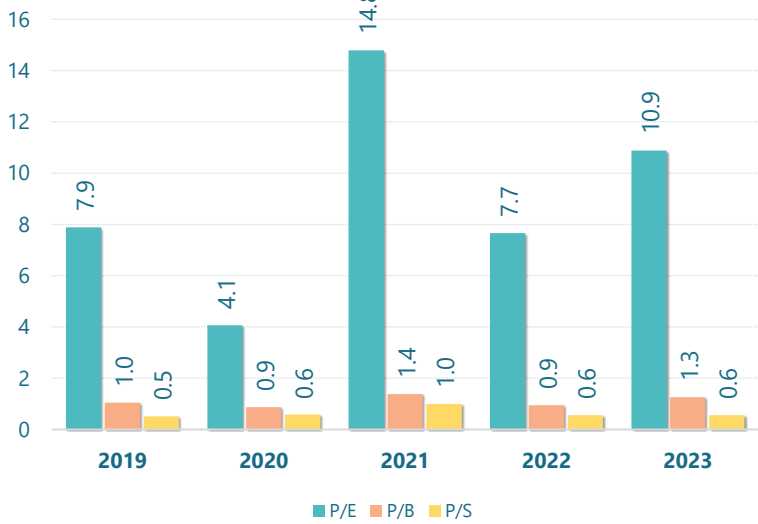
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)